

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

HUỲNH ANH TUẤN

*MỘT SỐ GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG
THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ VÀO
KHU KINH TẾ NHỎ NHỘN*

**Chuyên ngành: Kinh tế phát triển
Mã số: 60.31.05**

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

Đà Nẵng – Năm 2011

Công trình hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS Bùi Quang Bình

Phản biện 1: GS.TS. Trương Bá Thanh

Phản biện 2: TS. Nguyễn Duy Thục

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp
thạc sĩ kinh tế họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 03 tháng 11 năm
2011

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin- Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá hiện nay, vốn đầu tư có vai trò quyết định trong việc tạo ra mọi của cải vật chất và những tiến bộ trong xã hội, nó là nhân tố rất quan trọng để thực hiện quá trình ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, phát triển cơ sở hạ tầng, chuyển dịch cơ cấu và đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế.

Bình Định là một trong 5 tỉnh của Vùng kinh tế trọng điểm Miền Trung, có vị trí địa lý thuận lợi. Trong những năm gần đây Bình Định đã đầu tư xây dựng cầu Thị Nại nối liền từ thành phố Quy Nhơn đến Nhơn Hội, nâng cấp nhiều công trình hạ tầng như cảng biển quốc tế Quy Nhơn, cảng nước sâu Nhơn Hội, sân bay Phù Cát... là nhằm mục đích để mời gọi các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài đến với Khu kinh tế Nhơn Hội.

Với những lợi thế như vậy, tuy nhiên việc thu hút vốn đầu tư vào Khu kinh tế Nhơn Hội trong thời gian qua vẫn còn chậm, kết quả chưa tương xứng với tiềm năng và lợi thế của địa phương, số lượng các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài đến tìm hiểu cơ hội đầu tư, số dự án đăng ký dự định đầu tư khá nhiều nhưng số dự án thực sự cấp phép và đi vào hoạt động còn thấp. Để Khu kinh tế Nhơn Hội thực sự phát triển thì nhu cầu các nguồn lực tài chính đầu tư cho Nhơn Hội ngày càng gia tăng.

Xuất phát từ những lý do như trên, tôi chọn đề tài "*Một số giải pháp tăng cường thu hút vốn đầu tư vào Khu kinh tế Nhơn Hội*" làm luận văn tốt nghiệp. Hy vọng sẽ có ý nghĩa về mặt lý luận lẫn thực

tiền góp phần nhất định vào việc giải quyết những vấn đề cơ bản và cấp bách trong việc thu hút vốn đầu tư vào Khu kinh tế Nhơn Hội.

2. Mục tiêu của đề tài

Hệ thống một số vấn đề có tính chất lý luận và thực tiễn về thu hút vốn đầu tư.

Đánh giá và phân tích thực trạng tình hình thu hút vốn trong nước và nước ngoài vào Khu kinh tế Nhơn Hội.

Luận chứng được giải pháp tăng cường thu hút vốn đầu tư vào Khu kinh tế Nhơn Hội.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

+ Đối tượng nghiên cứu: Nghiên cứu thực trạng thu hút nguồn vốn đầu tư trong nước và nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài để đề xuất các giải pháp nhằm thu hút vốn đầu tư vào Khu kinh tế Nhơn Hội.

+ Phạm vi nghiên cứu

- Về thời gian: Thời gian nghiên cứu giới hạn kể từ khi thành lập Khu kinh tế Nhơn Hội(từ năm 2005 đến năm 2010).

- Về không gian: Giới hạn trong phạm vi các hoạt động thu hút vốn đầu tư vào Khu kinh tế Nhơn Hội .

4. Phương pháp nghiên cứu

- Sử dụng phương pháp phân tích, thống kê, so sánh, tổng hợp; kết hợp nghiên cứu lý luận với tổng kết thực tiễn.

- Phương pháp thu thập số liệu: Các báo cáo tổng kết của các ngành, nguồn số liệu thống kê có liên quan về thu hút vốn đầu tư, các sách nghiên cứu, Website và các tạp chí, báo cáo của các chuyên gia, nhà quản lý liên quan đến đề tài.

5. Kết cấu của luận văn

Ngoài mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo và phụ lục, luận văn kết cấu thành 3 chương như sau:

Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về thu hút vốn đầu tư vào Khu kinh tế

Chương 2: Thực trạng thu hút vốn đầu tư vào Khu kinh tế Nhơn Hội

Chương 3: Những giải pháp tăng cường thu hút vốn đầu tư vào Khu kinh tế Nhơn Hội

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ VÀO KHU KINH TẾ

1.1. Vốn đầu tư

1.1.1 Các khái niệm

Theo Luật Đầu tư của Quốc hội nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định đầu tư là việc nhà đầu tư bỏ vốn bằng các loại tài sản hữu hình hoặc vô hình để hình thành tài sản tiến hành các hoạt động đầu tư theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Trong tác phẩm nổi tiếng “ Lý thuyết tổng quát về việc làm, lãi suất và tiền tệ” John Maynard Keynes đã chứng minh được rằng: Đầu tư chính bằng thu nhập mà không chuyển vào tiêu dùng. Đồng thời ông cũng chỉ ra rằng, tiết kiệm chính là phần dôi ra của thu nhập so với tiêu dùng. Trong nền kinh tế mở, đẳng thức đầu tư bằng tiết kiệm của nền kinh tế không phải bao giờ cũng thiết lập. Phần tích lũy của nền kinh tế có thể lớn hơn nhu cầu đầu tư tại nước sở tại, khi đó

vốn có thể được chuyển sang nước khác để thực hiện đầu tư. Ngược lại, vốn tích lũy của nền kinh tế có thể ít hơn nhu cầu đầu tư, khi đó nền kinh tế phải huy động từ nước ngoài.

Như vậy có nhiều quan điểm khác nhau về đầu tư nhưng nói chung các quan điểm đều có chung nội dung: Đầu tư là sự hy sinh các nguồn lực có thể là tiền, tài nguyên thiên nhiên, sức lao động, trí tuệ ở hiện tại để tiến hành các hoạt động nào đó nhằm thu về các kết quả nhất định trong tương lai lớn hơn các nguồn lực đã bỏ ra.

Vốn hiểu theo nghĩa hẹp là tiềm năng tài chính của mỗi cá nhân, mỗi doanh nghiệp và mỗi quốc gia, còn vốn hiểu theo nghĩa rộng bao gồm nguồn nhân lực, nguồn tài lực, chất xám, tiền bạc và cả quan hệ đã tích lũy của một doanh nghiệp, một cá nhân hay một quốc gia.

Vốn đầu tư chính là phân tích lũy được thể hiện dưới dạng giá trị được chuyển hoá thành vốn đầu tư đáp ứng yêu cầu phát triển của xã hội. Xét về bản chất, nguồn hình thành vốn đầu tư chính là phần tiết kiệm hay tích lũy mà nền kinh tế có thể huy động được để đưa vào quá trình tái sản xuất xã hội.

1.1.2. Phân loại đầu tư

1.1.3. Các nguồn vốn đầu tư

Nguồn huy động vốn đầu tư: là việc tổ chức khai thác các nguồn vốn tài chính nhằm mục đích tăng thêm lượng vốn mới cho đầu tư phát triển nền kinh tế. Đối với mỗi quốc gia, thì việc huy động vốn đầu tư theo các phương thức như sau:

1.1.3.1. Nguồn vốn đầu tư trong nước

1.1.3.2. Nguồn vốn đầu tư nước ngoài

1.2. Khu kinh tế

1.2.1. Khái niệm

Khu kinh tế là khu vực có không gian kinh tế riêng biệt với môi trường đầu tư và kinh doanh đặc biệt thuận lợi cho các nhà đầu tư, có ranh giới địa lý xác định. Khu kinh tế được tổ chức thành các khu chức năng gồm: Khu phi thuế quan, khu bảo thuế, khu chế xuất, khu công nghiệp, khu giải trí, khu du lịch, khu đô thị, khu dân cư, khu hành chính và các khu chức năng khác phù hợp với đặc điểm của từng Khu kinh tế.

1.2.2. Đặc điểm của Khu kinh tế

Khu kinh tế là nơi có môi trường kinh doanh thuận lợi, được hưởng những quy chế riêng, ưu đãi hơn so với các vùng khác của đất nước. Góp phần đổi mới thiết bị khoa học công nghệ, tăng năng suất lao động, tạo việc làm cho người lao động, tăng nguồn thu cho ngân sách nhà nước. Lĩnh vực đầu tư có khả năng thu hút dự án, công trình đầu tư với quy mô lớn, quan trọng và có tác động tới phát triển kinh tế - xã hội của cả khu vực. Có khả năng phát huy tiềm năng tại chỗ và tạo ảnh hưởng phát triển lan toả đến các khu vực xung quanh. Khu kinh tế cho phép đầu tư đa ngành, đa lĩnh vực, nhưng có mục tiêu trọng tâm phù hợp từng Khu kinh tế được thành lập ở mỗi địa bàn khác nhau.

1.3. Nội dung thu hút vốn đầu tư

1.3.1. Khái niệm về thu hút vốn đầu tư

Thu hút nhà đầu tư là các hoạt động hay chính sách của chính quyền, cộng đồng doanh nghiệp và dân cư nhằm quảng bá, xúc tiến, hỗ trợ và tạo các điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư đến

thực hiện các dự án. Thu hút vốn đầu tư có nghĩa là làm gia tăng sự chú ý và quan tâm của các nhà đầu tư qua sự phát triển và xúc tiến các dự án đầu tư cụ thể có thể đem lại những lợi ích thương mại cho các nhà đầu tư.

1.3.2. Vai trò của thu hút vốn đầu tư

Vốn đầu tư có vai trò quan trọng đối với tăng trưởng kinh tế và phát triển kinh tế, là yếu tố cấu thành chiếm tỷ trọng khá lớn trong tổng cầu, chủ yếu là cầu đầu tư về tư liệu sản xuất. Vốn tác động không chỉ đối với tăng trưởng kinh tế, mà ảnh hưởng rất lớn đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Trong điều kiện trang bị kỹ thuật cho lao động không đổi, việc gia tăng trang bị vốn cho nền kinh tế sẽ lôi cuốn thêm lực lượng lao động vào hoạt động kinh tế, nhờ đó mà tạo thêm việc làm, tăng thu nhập cải thiện đời sống cho người lao động. vốn cũng có vai trò to lớn trong xoá đói giảm nghèo.

1.3.3. Các chính sách thu hút vốn đầu tư

1.3.3.1. Chính sách quảng bá hình ảnh Khu kinh tế

Quảng bá Khu kinh tế nhằm tạo thuận lợi cho các tập đoàn kinh tế lớn hội tụ và hoạt động trong điều kiện toàn cầu hoá không những mất đi, mà vẫn tiếp tục có sức hấp dẫn lớn và tạo ra những đột phá cả về quy mô kinh tế lẫn bố trí không gian lãnh thổ.

1.3.3.2. Chính sách xúc tiến đầu tư

Xúc tiến đầu tư là các biện pháp để giới thiệu, quảng cáo cơ hội đầu tư với bên ngoài, các cơ quan xúc tiến đầu tư địa phương thường tổ chức các đoàn tham quan, khảo sát ở các địa phương khác và nước ngoài; tham gia, tổ chức các hội thảo khoa học, diễn đàn đầu tư, kinh tế ở khu vực và quốc tế.

1.3.3.3. Chính sách cải thiện môi trường đầu tư

Môi trường đầu tư được coi là yêu cầu quan trọng để khơi thông các nguồn vốn trong nước và nước ngoài. Việc cải thiện môi trường đầu tư hoặc hướng tới một môi trường kinh doanh lành mạnh, đủ sức cạnh tranh là đích đến để phát triển kinh tế, xã hội của bất cứ quốc gia nào. Môi trường đầu tư thuận lợi sẽ là bệ phóng, là điểm tựa vững chắc cho sự phát triển của nền kinh tế, thúc đẩy cho các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tập trung nguồn lực để phát triển sản xuất kinh doanh nhằm góp phần quan trọng trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực.

1.3.3.4. Chính sách hỗ trợ đầu tư

Tất cả các quốc gia đều sử dụng chính sách tài chính như một công cụ đắc lực để khuyến khích và kêu gọi đầu tư. Sự ưu đãi về thuế rất linh hoạt, có nhiều dạng ưu đãi và các mức thuế khác nhau. Chính phủ sẽ áp dụng các mức thuế đặc biệt cho các vùng trọng điểm để ưu tiên phát triển. Ví dụ như giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế xuất nhập khẩu hay thuế giá trị gia tăng. Các chính sách này đã làm tăng khả năng sinh lời của doanh nghiệp, làm tăng tính hấp dẫn của các vùng nhà nước khuyến khích đầu tư.

1.3.3.5 Chính sách đào tạo nguồn nhân lực

Phát triển nguồn nhân lực là tạo ra tiềm năng của con người thông qua đào tạo, bồi dưỡng, tự bồi dưỡng và đào tạo lại, chăm sóc sức khoẻ về thể lực và tinh thần, khai thác tối đa tiềm năng trong đó các hoạt động lao động thông qua việc tuyển, sử dụng, tạo điều kiện về môi trường làm việc (phương tiện lao động có hiệu quả và các chính sách hợp lý, v.v...), môi trường văn hoá,

xã hội kích thích động cơ, thái độ làm việc của con người, để họ mang hết sức mình hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

1.3.4. Các tiêu chí phản ánh tình hình thu hút vốn

1.3.4.1. Số lượng của các dự án và quy mô vốn thu hút được

Số lượng của các dự án và quy mô vốn thu hút được sẽ bổ sung nguồn vốn quan trọng cho đầu tư phát triển kinh tế xã hội của mỗi quốc gia, các địa phương qua từng thời kỳ theo mục tiêu kế hoạch đã đề ra.

1.3.4.2. Số lượng vốn đầu tư thực hiện

Là tổng số vốn đã chi để tiến hành các hoạt động của các công cuộc đầu tư bao gồm các chi phí cho công tác xây lắp, chi phí cho công tác mua sắm thiết bị và các chi phí khác theo quy định của thiết kế dự án và được ghi trong dự án đầu tư được duyệt.

1.3.4.3. Danh mục dự án đầu tư

Lập danh mục dự án đầu tư phải dựa vào quy hoạch, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia, ngành, địa phương, dựa trên những căn cứ khoa học về khả năng thực trạng vốn đầu tư, tình hình cung, cầu sản phẩm thị trường.

1.3.4.4. Trình độ công nghệ các dự án

Là một bộ phận nguồn lực không thể thiếu trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Nó có vai trò mở rộng khả năng sản xuất, thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế, thúc đẩy quá trình hình thành và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tăng sức cạnh tranh hàng hoá, thúc đẩy phát triển kinh tế thị trường.

1.4. Những nhân tố ảnh hưởng đến thu hút vốn đầu tư

1.4.1. Sự phát triển kinh tế

Phát triển kinh tế được hiểu là quá trình tăng tiến về mọi mặt của nền kinh tế. Phát triển kinh tế được xem như là quá trình biến đổi cả lượng và chất, nó là sự kết hợp một cách chặt chẽ quá trình hoàn thiện của hai vấn đề kinh tế và xã hội ở mỗi quốc gia. Theo cách hiểu như vậy phát triển là quá trình lâu dài do các nhân tố nội tại của nền kinh tế quyết định.

1.4.2. Lợi thế về tài nguyên thiên nhiên

Tài nguyên thiên nhiên là một trong những yếu tố nguồn lực đầu vào của quá trình sản xuất. Xét trên phạm vi toàn thế giới nếu không có tài nguyên, đất đai thì không có sản xuất và cũng không có sự tồn tại của loài người. Tài nguyên thiên nhiên chỉ trở thành sức mạnh kinh tế khi con người biết khai thác và sử dụng một cách có hiệu quả.

1.4.3. Trình độ phát triển cơ sở hạ tầng

Phát triển cơ sở hạ tầng là một trong những tiền đề quan trọng để thúc đẩy phát triển và thu hút đầu tư. Kết cấu hạ tầng hiện đại, đồng bộ sẽ tạo điều kiện rút ngắn chu kỳ sản xuất và lưu thông sản phẩm, giảm bớt chi phí sản xuất và nâng cao chất lượng sản phẩm, làm cho các sản phẩm hàng hoá, dịch vụ có sức cạnh tranh hơn.

1.5. Kinh nghiệm thu hút vốn đầu tư của các địa phương khác ở Việt Nam

Luận văn đã trình bày kinh nghiệm của các KCX, KCN thành phố Hồ Chí Minh, Khu kinh tế Dung Quất, Khu kinh tế mở

Chu Lai, Khu kinh tế Vũng Áng. Qua đó đã thấy được các Khu kinh tế có được những thành công bước đầu là do có sự quan tâm chỉ đạo của Đảng và Nhà nước và có sự nỗ lực, quyết tâm của Đảng bộ và nhân dân của các tỉnh, thành phố. Các khu kinh tế dần dần đã khẳng định vị thế của mình, có những đóng góp để chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở các địa phương.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ VÀO KHU KINH TẾ NHON HỘI

2.1. Sự hình thành và mục tiêu phát triển KKT Nhơn Hội

Sự hình thành và mục tiêu phát triển KKT Nhơn đã và đang tạo ra bước đột phá trong tiến trình CNH, HĐH tỉnh Bình Định, góp phần thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, hình thành các trung tâm kinh tế gắn với phát triển đô thị, giải quyết việc làm, các vấn đề xã hội và bảo vệ môi trường bền vững; đồng thời kéo theo sự phát triển các loại hình dịch vụ, đáp ứng nhu cầu hoạt động của các doanh nghiệp trong KKT và cộng đồng dân cư.

2.2. Kết quả thu hút vốn đầu tư vào KKT Nhơn Hội

2.2.1. Số lượng các dự án và quy mô vốn thu hút được + Đối với các dự án có nguồn vốn đầu tư trong nước

Vốn đầu tư theo quy mô tiến độ thực hiện: Tổng cộng có 25 dự án với tổng vốn đầu tư 23.927 tỷ đồng, các dự án đầu tư trong nước đầu tư vào KKT Nhơn Hội có vốn đầu tư tương đối cao, bình quân vốn đầu tư trên một dự án là 957 tỷ đồng.

*Bảng 2.1. Các dự án và vốn đầu tư trong nước từ năm 2006-2010**đơn vị: Tỷ đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010	Tổng
Số dự án	5	5	4	7	4	25
Vốn đầu tư	1.355	951	4.874	6.898	9.849	23.927
Bình quân VĐT/DA	271	190	1.219	985	2.462	957

Nguồn: Ban quản lý KKT tỉnh Bình Định

Vốn đầu tư theo lĩnh vực đầu tư: Đầu tư trong nước chủ yếu tập trung vào các dự án hạ tầng, với 11 dự án có tổng vốn đầu tư là 13.335 tỷ đồng, chiếm 55,78% tổng mức vốn đầu tư trong nước tại KKT Nhơn Hội lũy kế đến thời điểm 31/12/2010.

+ Đối với các dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài

Vốn đầu tư theo quy mô tiến độ thực hiện: Tính đến thời điểm cuối năm 2010 đã thu hút được 7 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài với số lượng vốn đầu tư 8.576 tỷ đồng(tương đương 495,72 triệu USD), bình quân trên một dự án là 1.225 tỷ đồng. Hàng năm KKT Nhơn Hội chỉ thu hút được từ 1 đến 2 dự án và các dự án rất chậm trong quá trình triển khai.

Bảng 2.3. Các dự án và vốn đầu tư nước ngoài từ năm 2006-2010

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010	Tổng
Số dự án	1	1	1	2	2	7
Vốn đầu tư	4.000	546	509	913	2.608	8.576
Bình quân VĐT/DA	4.000	546	509	457	1.304	1.225

Nguồn: Ban quản lý KKT tỉnh Bình Định

Theo chủ thể đầu tư: Có tất cả 4 quốc gia đầu tư vào KKT Nhơn Hội, đứng đầu là Trung Quốc với 4 dự án chiếm 18,27% tổng vốn FDI tại KKT Nhơn Hội, số dự án còn lại thuộc về các nhà đầu tư Đài Loan, Mỹ, Nga. Số lượng quốc gia và vùng lãnh thổ tham gia đầu tư vào Nhơn Hội đến nay số lượng dự án còn quá ít, vốn đầu tư chưa cao, thiếu hẳn các nhà đầu tư có tiềm lực lớn.

Vốn đầu tư theo lĩnh vực đầu tư: Một lợi thế cạnh tranh trong thu hút đầu tư của KKT Nhơn Hội là về lĩnh vực dịch vụ, với những ưu đãi và điều kiện hết sức thuận lợi, rất cần những nhà đầu tư có tiềm lực tài chính mạnh và kinh nghiệm quản lý như những nhà đầu tư nước ngoài để khai thác tối đa và phát huy hiệu quả lợi thế này.

2.2.2. Số lượng vốn thực hiện

Bảng 2.6: Vốn thực hiện theo lĩnh vực hoạt động

DVT: Tỷ đồng

Lĩnh vực hoạt động	Số DA	Vốn thực hiện	Vốn đăng ký	Tỷ lệ(%)
1. Dự án Hạ tầng	12	1.276,57	13.902	9,18
2. Dự án SX – CN	12	65,43	3.498	1,87
3. Dự án Du lịch	8	212,18	15.105	1,40
Tổng	32	1.554,18	32.505	4,78

Nguồn: Ban quản lý KKT tỉnh Bình Định

Mặc dù thu hút được 32 dự án với số vốn đăng ký là 32.505 tỷ đồng, trong đó có tổng vốn đầu tư thực hiện 1.554,18 tỷ đồng và chỉ đạt 26% (1.554,18/6.000tỷ) so với kế hoạch hành động của Tỉnh uỷ khoá XVII về phát triển Khu kinh tế Nhơn Hội. Số lượng vốn thực hiện của các dự án thực tế chưa đạt với mục tiêu đề ra, số vốn giải ngân thấp. Trong tổng số 32 dự án đăng ký hoạt động tại KKT Nhơn Hội thì có đến 19 dự án chậm triển khai, không triển khai hoặc vướng giải phóng mặt bằng.

2.3. Thực trạng chính sách thu hút vốn đầu tư của tỉnh

2.3.1. Chính sách quảng bá hình ảnh Khu kinh tế

Dù đã có những chuyển biến tích cực, song việc tuyên truyền quảng bá về Khu kinh tế vẫn còn chưa phong phú, việc đưa tin trên website chưa theo kịp yêu cầu và diễn biến của tình hình. Tần suất các doanh nghiệp truy cập website của UBND tỉnh rất thấp. Chưa phân tích rành mạch được từng lợi thế so sánh, việc so sánh giữa KKT Nhơn Hội với các Khu kinh tế khác như điểm đến của các nhà đầu tư trong và ngoài nước cũng ít được thực hiện vì đây là một

trong những thông tin mà nhà đầu tư thực sự muốn biết. Hình ảnh KKT Nhơn Hội cũng chưa nêu được những bất lợi, những thách thức đối với các nhà đầu tư, doanh nhân nước ngoài khi vào Khu kinh tế.

2.3.2. Chính sách xúc tiến đầu tư

Với nhiều nỗ lực đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, tích cực cải cách môi trường hành chính, tăng cường công tác xúc tiến đầu tư, trong 5 năm gần đây (từ 2006-2010) hoạt động thu hút đầu tư của Bình Định đạt được nhiều kết quả khả quan.

- Đầu tư trong nước: Trong giai đoạn 2006-2010 huy động được 37,9 nghìn tỷ đồng, tốc độ tăng hàng năm 19,4%, tỷ lệ huy động vốn đầu tư so với GDP đạt 40,2%.

- Đầu tư nước ngoài : Trong thời kỳ 2006- 2010 Bình Định thu hút được: 25 dự án với tổng vốn đầu tư: 579 triệu USD, chiếm 93,44% vốn đầu tư và 64% số dự án trong tổng số vốn đầu tư và dự án thu hút được từ trước đến nay, tăng gấp 15 lần so với giai đoạn 2005 trở về trước.

Từ 2006 đến 2010, bình quân hàng năm có 15 dự án ODA được thực hiện trên địa bàn tỉnh, số vốn giải ngân các dự án khoảng 800 tỷ đồng, tăng gấp đôi so với giải ngân thực tế thời kỳ 2001-2005.

Những kết quả đạt được nêu trên, công tác xúc tiến đầu tư còn những mặt khó khăn, hạn chế. Đến nay, tỉnh vẫn chưa có dự án đầu tư nước ngoài nào có quy mô lớn, công nghệ hiện đại, có tác dụng lôi kéo, thúc đẩy việc phát triển của nhiều ngành, nghề sản xuất kinh doanh, đóng góp nhiều vào giá trị sản xuất công nghiệp và ngân sách.

2.3.3. Chính sách cải thiện môi trường đầu tư

Việc cải cách hành chính, thủ tục đầu tư của tỉnh cũng chỉ đóng góp một phần vào sự hấp dẫn các nhà đầu tư. Một chiến lược dài hạn để đào tạo lao động có tay nghề cao, một khuôn khổ pháp lý ổn định và đáng tin cậy cho hoạt động sản xuất - kinh doanh, lẫn việc cải thiện cơ sở hạ tầng vẫn chưa đạt như mong muốn. Nhiều yêu cầu chính đáng của doanh nghiệp vẫn chưa được tỉnh đáp ứng kịp thời. Chẳng hạn, việc đền bù, giải phóng mặt bằng, tái định cư cho dân để doanh nghiệp tiến hành thực hiện dự án thường gặp ách tắc, làm cho doanh nghiệp gặp khó khăn trong triển khai dự án... Tất cả những vấn đề này đã góp phần làm cho môi trường kinh doanh của tỉnh chưa thực sự hấp dẫn, thiếu sức thái cạnh tranh.

Theo công bố ngày 16/03/2011 của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) và Dự án Sáng kiến cạnh tranh Việt Nam (VNCI) về chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), nhìn tổng thể trong 4 năm từ năm 2007 đến năm 2010 Bình Định luôn nằm ở nhóm điều hành tốt, riêng năm 2010 Bình Định xếp thứ 20/63 tỉnh, thành phố về PCI. So với vị trí thứ 7 của năm ngoái, rõ ràng tỉnh Bình Định trong năm 2010 đã thụt lùi đến 13 bậc so với năm 2009, nhiều chỉ số đánh giá có sự giảm điểm mạnh. Chỉ số PCI của Bình Định từ năm 2007 đến năm 2010 được tổng hợp theo bảng 2.7:

Bảng 2.7. Kết quả xếp hạng chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh

Năm	Điểm tổng hợp	Kết quả xếp hạng	Nhóm điều hành
2007	69.46	4	Rất tốt
2008	60.67	11	Tốt
2009	65.97	7	Tốt
2010	60.37	20	Tốt

Nguồn: Hội thảo chỉ số PCI 2010 tỉnh Bình Định

2.3.4. Chính sách hỗ trợ đầu tư

Các doanh nghiệp được hỗ trợ bồi thường thiệt hại, giải phóng mặt bằng và tái định cư, hỗ trợ hạ tầng kỹ thuật, hỗ trợ xúc tiến thương mại, được hưởng các loại hình tín dụng ưu đãi.

Ngoài ưu đãi thuế theo quy định của Chính phủ; tỉnh Bình Định còn tạo ra “cơ chế riêng”. Chính sự vượt khung sẽ tạo tiền đề thiếu nhất quán và chặt chẽ trong vấn đề chấp hành pháp luật mà trong phần lớn có thể gây cạnh tranh không bình đẳng làm méo mó môi trường đầu tư dễ dẫn đến thiệt hại cho nhà đầu tư khi nhìn thấy chính sách không ổn định. Bên cạnh đó, chỉ số PCI về thiết chế pháp lý ở Bình Định được đánh giá là rất thấp(4,9 điểm).

2.3.5. Chính sách đào tạo nguồn nhân lực

Trường Đại học Quy Nhơn, các trường cao đẳng, trung học đã phát huy tác dụng tốt, góp phần quan trọng trong việc đào tạo nguồn nhân lực cho tỉnh và khu vực. Tuy nhiên chương trình đào tạo của các trường còn nặng về lý thuyết, chưa sát với thực tế; trong quá

trình học tập, học sinh - sinh viên lại ít có cơ hội được cọ xát, đi thực tập thực tế nhiều, vì vậy sau khi tốt nghiệp ra trường hầu hết các sinh viên đều rất lúng túng với công việc.

Trong 5 năm, đã thực hiện chính sách đào tạo, đãi ngộ và thu hút nhân lực có trình độ cao đối với 524 cán bộ, công chức có trình độ cao với kinh phí đầu tư từ nguồn ngân sách tỉnh 6 tỉ đồng; trong đó có 2 tiến sĩ, 175 thạc sĩ, 32 bác sĩ chuyên khoa cấp 2, 139 bác sĩ chuyên khoa cấp 1 và 230 sinh viên đạt loại khá giỏi.

2.4. Những nhân tố ảnh hưởng thu hút vốn đầu tư KKT Nhơn Hội

Trong những năm qua, tỉnh Bình Định đã chủ động phát huy nội lực và tích cực thu hút các nguồn lực từ bên ngoài nhằm đẩy mạnh phát triển kinh tế và nâng cao mức sống của nhân dân. Phương châm của tỉnh trong mời gọi hợp tác, đầu tư là đi trước một bước trong chuẩn bị hạ tầng kinh tế - xã hội và cải cách thủ tục hành chính. Những nhân tố ảnh hưởng thu hút vốn đầu tư vào KKT Nhơn Hội đó là: Hạ tầng đồng bộ; Nguồn tài nguyên và tiềm năng phong phú; Tình hình phát triển; Chính sách phát triển.

2.5. Đánh giá kết quả thực hiện KKT Nhơn Hội

2.5.1. Kết quả thực hiện nhiệm vụ kinh tế - Xã hội

2.5.2. Những thành công

Sau 5 năm, từ một vùng đất còn hoang sơ, hầu như không có cơ sở hạ tầng với phần lớn là đồi cát chủ yếu trồng dương và bạch đàn, Khu kinh tế Nhơn Hội đã từng bước được hình thành theo quy hoạch với công trình hạ tầng quy mô để tạo nên vóc dáng khu công

nghiệp, đô thị, dịch vụ đầy tiềm năng, hấp dẫn, tạo tiền đề để Khu kinh tế phát triển trong những năm tiếp theo.

2.5.3. Những tồn tại, hạn chế

Công tác chuẩn bị đầu tư và tiến độ triển khai thi công xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật của Khu kinh tế còn chậm so với kế hoạch do những yếu kém trong công tác tư vấn chuẩn bị đầu tư và quản lý thi công xây dựng. Công tác xúc tiến đầu tư chưa thu hút được dự án lớn vào Khu kinh tế để có vai trò động lực lôi kéo các dự án vệ tinh. Việc huy động bằng các phương thức như kêu gọi đầu tư theo hình thức BOT, huy động vốn ODA và vốn trái phiếu Chính phủ để đầu tư các công trình trong Khu kinh tế chưa thực hiện được như dự kiến. Chưa có điều kiện huy động các nguồn vốn khác như vốn từ quỹ đất, vốn ứng trước của nhà đầu tư.

2.5.4. Nguyên nhân

2.5.4.1. Nguyên nhân khách quan

Tình chưa lường hết những diễn biến phức tạp của tình hình kinh tế thế giới và trong nước, tình hình lạm phát, suy thoái kinh tế... xảy ra trong giai đoạn này đã ảnh hưởng đáng kể đến việc huy động các nguồn lực, thu hút các dự án đầu tư phát triển Khu kinh tế, làm chậm tiến độ thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu đã đề ra.

Từ sau khi Khu kinh tế Nhơn Hội ra đời, trong cả nước hiện nay đã có 15 Khu kinh tế ven biển do đó đã làm gia tăng tính cạnh tranh trong thu hút các dự án đầu tư cũng như chia sẻ nguồn lực đầu tư của Trung ương đối với Khu kinh tế Nhơn Hội. Mặt khác, cũng cần nhìn nhận hạn chế của Khu kinh tế Nhơn Hội là thiếu cảng nước

sâu, hạn chế về luồng cảng nên rất khó thu hút các dự án công nghiệp nặng quy mô lớn như một số Khu kinh tế khác.

2.5.4.2. Nguyên nhân chủ quan

Vai trò tham mưu của Ban Quản lý Khu kinh tế còn bị động, chưa đề xuất được các giải pháp đột phá có tính quyết định để tạo động lực đẩy nhanh tiến trình phát triển Khu kinh tế.

Việc phối hợp thực hiện giữa các ngành và địa phương trong đầu tư xây dựng Khu kinh tế còn bất cập và thiếu đồng bộ.

Một số nhà đầu tư thiếu năng lực tài chính và kinh nghiệm triển khai dự án. Ngoài ra, tư tưởng kéo dài thời gian tận thu ti tan và thiếu tích cực trong việc chống cát bay, định giá cho thuê lại đất có kết cấu hạ tầng còn cao của một số chủ đầu tư các khu chức năng cũng là nguyên nhân làm chậm tiến độ xây dựng và phát triển Khu kinh tế. Dự án cảng tổng hợp, một dự án quan trọng để thúc đẩy phát triển Khu kinh tế đã chậm triển khai.

CHƯƠNG III

NHỮNG GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG

THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ VÀO KHU KINH TẾ NHƠN HỘI

3.1. Những căn cứ để đưa ra giải pháp

3.1.1. Định hướng phát triển KKT Nhơn Hội

- + Định hướng chung
- + Định hướng cụ thể.

3.1.2. Lợi thế so sánh: Lợi thế so sánh của Khu kinh tế Nhơn Hội với 4 Khu kinh tế lân cận, là gần thành phố Quy Nhơn - đô thị loại 1. Điểm khác biệt của KKT Nhơn Hội là KKT duy nhất có kết hợp các loại hình du lịch tại các điểm thuộc khu du lịch trọng điểm

quốc gia Phương Mai-Núi Bà. Một lợi thế so sánh nữa là chỉ số năng lực cạnh tranh đối với các tỉnh khu vực duyên hải miền Trung thì Bình Định có vị trí xếp hạng tốt.

3.3. Những giải pháp tăng cường thu hút vốn đầu tư ở thời kỳ năm 2011 đến năm 2015 và tầm nhìn đến năm 2025

3.3.1. Nhóm giải pháp về hoàn thiện chính sách quảng bá, công tác xúc tiến đầu tư

3.3.1.1. Hoàn thiện chính sách quảng bá hình ảnh khu kinh tế

Tập trung quảng bá thông tin, tiềm năng, điều kiện thuận lợi và các chính sách khuyến khích đầu tư vào tỉnh, đặc biệt là Khu kinh tế Nhơn Hội để tạo tiền đề cho thu hút đầu tư những năm tiếp theo. Tạo dựng được hình ảnh Khu kinh tế Nhơn Hội là điểm đến lý tưởng cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước, là nơi hội tụ đầy đủ các điều kiện thuận lợi để phát triển các dự án có quy mô lớn, hiện đại và đa dạng về lĩnh vực đầu tư.

3.3.1.2. Hoàn thiện công tác xúc tiến đầu tư

Tỉnh nên nghiên cứu, xây dựng chiến lược xúc tiến đầu tư dài hạn (5 năm, 10 năm) và kế hoạch hành động ngắn hạn từng năm trên cơ sở phát huy lợi thế so sánh sẵn có của tỉnh, bảo đảm thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Tỉnh cần tập trung xây dựng một chiến lược cụ thể về xúc tiến đầu tư gồm các bước cơ bản: xác định các cơ sở để xây dựng chiến lược xúc tiến đầu tư; xác định ngành nghề và khu vực ưu tiên thu hút đầu tư; xây dựng chương trình xúc tiến và cơ chế chính sách đầu tư; xây dựng kế hoạch hành động; đánh giá hiệu quả.

3.3.2. Nhóm giải pháp về cải thiện môi trường đầu tư và hỗ trợ đầu tư

3.3.2.1 Cải thiện môi trường đầu tư

Tỉnh phải tiếp tục có những điều chỉnh bổ sung chính sách ưu đãi phù hợp nhằm tạo môi trường đầu tư thuận lợi, thông thoáng; trong đó đặc biệt ưu tiên, ưu đãi đối với các doanh nghiệp đầu tư trên các lĩnh vực xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật, các ngành nghề chế biến tiêu thụ sản phẩm. Bên cạnh đó cần phải coi trọng đến cải cách thủ tục hành chính, nâng cao ý thức trách nhiệm của các nhà lãnh đạo của tỉnh, thực hiện nhất quán các cam kết, tháo gỡ kịp thời các vướng mắc phát sinh để tạo được xây dựng được lòng tin vững chắc của nhà đầu tư.

3.3.2.2. Hỗ trợ các dự án đầu tư vào Khu kinh tế

Thành lập Ban chỉ đạo xây dựng phát triển Khu kinh tế Nhơn Hội với các thành viên là các Lãnh đạo các sở ban ngành. Đối với các dự án đã triển khai và đi vào hoạt động, định kỳ hàng năm Ban quản lý Khu kinh tế Bình Định có những buổi gặp mặt với các nhà đầu tư để trao đổi những vướng mắc, nguyện vọng của nhà đầu tư và tìm ra những biện pháp thiết thực trên tinh thần xây dựng cho doanh nghiệp phát triển.

3.3.3. Nhóm giải pháp về nguồn nhân lực

3.3.3.1. Kiện toàn bộ máy tổ chức Ban quản lý KTT tỉnh Bình Định

Định kỳ nên kiểm tra, đánh giá lại đội ngũ nhân sự hiện có. Qua đó xác định đội ngũ nhân sự cần đào tạo lại, nội dung đào tạo, xác định nguồn nhân sự cần tuyển dụng từ bên ngoài. Kiên quyết

chấp thuận và giải quyết những cán bộ không có đủ tài năng và tâm huyết làm việc, sẽ là cơ sở quan trọng để xây dựng đội ngũ cán bộ "đủ tâm, đủ tầm" phục vụ cho KKT Nhơn Hội cả hiện tại và trong tương lai.

3.3.3.2. Tăng cường đào tạo nguồn nhân lực cho KKT Nhơn Hội

Tập trung đào tạo nguồn nhân lực để phục vụ cho Khu kinh tế, nhưng việc tổ chức đào tạo cần phải xem xét phù hợp với nhu cầu của dự án và có địa chỉ cụ thể. Chương trình đào tạo cũng cần thay đổi theo hướng nâng cao, theo kịp trình độ tiên tiến của thế giới và đi sâu vào thực hành.

3.3.4. Nhóm giải pháp về cải thiện cơ sở hạ tầng

3.3.4.1. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật tại KKT Nhơn Hội

- + Hoàn thành quy hoạch các khu chức năng của KKT.
- + Đẩy mạnh công tác bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư.
- + Hoàn thành đồng bộ các công trình hạ tầng kỹ thuật thiết yếu của Khu kinh tế.
- + Tập trung xây dựng các Khu công nghiệp, Khu phi thuế quan để thu hút đầu tư, thúc đẩy các dự án triển khai đầu tư theo cam kết.

3.3.4.2. Thúc đẩy xây dựng cơ sở hạ tầng ngoài KKT

Tập trung vào những dự án lớn như đường cao tốc Bắc – Nam qua Bình Định đoạn Đà Nẵng – Quy Nhơn, đường cao tốc Quy Nhơn - Gia Lai và đầu tư nâng cấp tuyến Quốc lộ 19 từ Cảng Quy

Nhơn đi Gia Lai, trong đó, ưu tiên xây dựng đoạn từ Cảng Quy Nhơn đến cầu Bà Gi (dài 17,256 km) là đường cấp I, gồm 6 làn xe theo Quy hoạch phát triển giao thông - vận tải đường bộ đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định 1327/QĐ-TTg ngày 24/8/2009. Bên cạnh đó, tỉnh cần đầu tư nâng cấp, mở rộng Sân bay Phù Cát để tiếp nhận máy bay cỡ lớn.

3.3.5. Nhóm giải pháp về khai thông các nguồn vốn

3.3.5.1. Khai thông nguồn vốn FDI

Nên tập trung mở rộng đàm phán, giao dịch với các quốc gia, các tổ chức kinh tế thế giới; có cơ chế, biện pháp đặc thù với từng đối tác; hướng mạnh vào các đối tác lớn, có công nghệ hiện đại; tạo mọi điều kiện thuận lợi cho dự án triển khai xây dựng và nhanh chóng đi vào hoạt động; hỗ trợ tối đa các dịch vụ, chia sẻ khó khăn với các nhà đầu tư để đảm bảo lợi ích lâu dài cho các dự án.

3.3.5.2. Khai thông nguồn vốn ngoài ngân sách

Để khai thông nguồn vốn này thì cần phải tiến hành cổ phần hoá, tham gia thị trường chứng khoán đối với các doanh nghiệp lớn ở trong tỉnh, tạo môi trường đầu tư và cơ hội bỏ vốn thuận lợi để các doanh nghiệp chủ động bỏ vốn đầu tư cho phát triển sản xuất kinh doanh của mình, nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước nhằm tăng thêm nguồn tiết kiệm của các doanh nghiệp này bằng cách áp dụng mô hình tổ chức sản xuất hiện đại trong doanh nghiệp như: các tập đoàn kinh tế, mô hình công ty mẹ - con, đa dạng các hình thức sở hữu của doanh nghiệp Nhà nước.

3.3.5.3. Khai thông nguồn vốn ngân sách

Đa dạng hoá các hình thức đầu tư như: BOT, BT, BTO, đổi đất lấy công trình. Tỉnh sớm hoàn thành quy hoạch đô thị Nhơn Hội để đấu giá quyền sử dụng đất hoặc giao đất có thu tiền sử dụng đất; đấu giá các lô đất còn thừa của các khu tái định cư của Khu kinh tế để có nguồn phục vụ cho đầu tư. Thu hút nguồn vốn đầu tư để hoàn thiện cơ sở hạ tầng của KKT Nhơn Hội, tỉnh cần dùng quỹ đất để tạo nguồn vốn thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, bên cạnh đó cần vay thêm nguồn vốn đầu tư. Trong quá trình thu hút vốn không nên dễ dãi trong thu hút đầu tư, tránh sử dụng đất lãng phí, cần có đặc thù cho những dự án đặc biệt quan tâm, có tính lan toả.

KẾT LUẬN

Qua những vấn đề nghiên cứu, luận văn đã thực hiện được một số nội dung và rút ra được các kết luận sau:

Hệ thống hoá cơ sở lý luận thực tiễn về thu hút vốn đầu tư: những vấn đề liên quan về vốn đầu tư, các chính sách, tiêu chí, nhân tố ảnh hưởng đến thu hút vốn đầu tư vào Khu kinh tế; kinh nghiệm thu hút vốn đầu tư của các Khu chế xuất, Khu công nghiệp, Khu kinh tế của các tỉnh, thành phố trong nước để rút ra bài học kinh nghiệm đối với Khu kinh tế Nhơn Hội.

Luận văn đã phân tích được thực trạng hoạt động thu hút vốn đầu tư tại KKT Nhơn Hội từ năm 2005 đến 2010. Với những cơ sở lý luận và thực tiễn được phân tích, những lợi thế so sánh riêng có ở Khu kinh tế Nhơn Hội, luận văn đã đề xuất một số giải pháp cụ thể cùng với những kiến nghị nhằm tăng cường thu hút vốn đầu tư vào KKT Nhơn Hội.